ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 1307/QĐ-UBND	*Tuy Phước, ngày 16 tháng 5 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/ 6/ 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán Ngân sách địa phương năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt danh mục,kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 25/4/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước - khóa X, kỳ họp lần thứ 15 về điều chỉnh,bổ sung danh mục đầu tư phát triển năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 191/TTr-TCKH ngày 12/5/ 2016,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1 . Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý, cụ thể :

Tổng số vốn đầu tư trong năm 2016 (A + B + C) : 103.528 triệu đồng.

Bao gồm :

A. Nguồn Ngân sách huyện: 69.190 triệu đồng.

Trong đó:

1. Nguồn cấp quyền sử dụng đất : 64.840 triệu đồng;
2. Chuyển nguồn đầu tư năm 2015: 4.350 triệu đồng.

B. Nguồn phân cấp cho huyện quản lý(*Theo QĐ 28/2010/QĐ-UBNDtỉnh Bình Định*): **8.438 triệu đồng.**

C. Nguồn vốn khác: 25.900 triệu đồng .

(Kèm theo Phụ lục điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016)

Điều 2. Căn cứ vào danh mục, kế hoạch vốn đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, giao Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐT & XD huyện có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐT&XD huyện, Giám đốc Chi nhánh Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện uỷ,TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện ;
- LĐVP, KT;
- Lưu: VT.
T.25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Thuận

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND huyện Tuy Phước)

ĐVT: triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KH vốn bố trí ban đầu	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung		KH vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
A	**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN**	**69.190**	**5.140**	**5.140**	**69.190**	
I	**NGUỒN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**	**64.840**	**5.140**	**5.140**	**64.840**	
a	**Trả nợ & thanh toán khối lượng hoàn thành**	**3.700**	**3.000**		**6.700**	
1	Trả nợ các công trình Quyết toán hoàn thành	2.225	3.000		5.225	
2	*Trả nợ vốn vay NHPTVN (tỉnh bảo lãnh)*	*1.475*			1.475	*dứt điểm*
b	**Công trình chuyển tiếp**	**42.000**	**0**	**4.000**	**38.000**	
1	Khu đường vành đai phía Đông BắcTT Tuy Phước	3.600			3.600	
2	Chợ Diêu Trì	4.300			4.300	
3	Nâng cấp mở rộng ĐT640(đoạn từ ngã ba cầu ông Đô đến cuối thị trấn Tuy Phước)	30.000		4.000	26.000	
4	Sửa chữa Nhà Văn Chỉ	800			800	
5	Đền Thờ danh nhân văn hóa Đào Tấn	3.000			3.000	
6	Kè chống xói lở hạ lưu cầu Vạn	300			300	Đối ứng
c	**Công trình xây dựng mới**	**13.150**	**2.140**	**0**	**15.290**	
1	Đê sông cây Me (đoạn thượng hạ lưu cầu Đội Thông)	1.000			1.000	Đối ứng
2	Đê sông Gò Chàm đoạn thượng hạ lưu cầu Phú Đa - Phước Hưng	1.000			1.000	
3	Đê thượng, hạ lưu đập Thanh Quang - P.Thắng	1.000			1.000	Đối ứng
4	Trường Tiểu học số 2 Phước Sơn (cụm Lộc Thượng)	300			300	Đối ứng
5	Trường THCS Phước Hưng - Nhà lớp học bộ môn	700			700	Đối ứng
6	Trường THCS Phước Quang - Nhà lớp học bộ môn	700			700	Đối ứng
7	Trạm Y tế xã Phước Thắng	700			700	
8	XD bếp ăn tình thương (tại Trung tâm Ytế huyện)	100			100	

S TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KH vốn bố trí ban đầu	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung		KH vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
9	Sửa chữa NLV và XD nhà bảo vệ Khối Dân vận	500			500	
10	Duy tu Nhà làm việc các phòng ban (03 Đô Đốc Lộc)	200			200	
11	Duy tu Nhà làm việc Trạm Khuyến nông	200			200	
12	Hệ thống cấp nước sạch xã Phước Thuận	0	270		270	*Ban QLNS*
13	Sửa chữa đường huyện ĐH 42 (đường Lê Công Miễn)	0	360		360	Phòng KT&HT
14	Đèn trang trí dọc đường Nguyễn Huệ	0	510		510	*Trung Tâm VH-TT*
15	Kiên cố hóa kênh mương TT.Diêu Trì	0	500		500	Đối ứng
16	Lát vỉa hè xung quanh chợ Diêu Trì mới	0	500		500	
17	*Hỗ trợ khắc phục cầu Huỳnh Đông - P Hòa*	*250*			250	
18	*Hỗ trợ gia cố đê Rừng Cấm P.Hòa*	*300*			300	
19	*Hỗ trợ XD kiên cố hóa kênh mương nội đồng*	*3.000*			3.000	
20	*Hỗ trợ BTXM giao thông nông thôn*	*2.500*			2.500	
21	*Khắc phục lụt bão các công trình*	*500*			500	
22	*Hỗ trợ XD Chợ Quán Rạp - Phước Thành*	*200*			200	
d	**Chuẩn bị đầu tư & Quy hoạch**	**1.400**	**0**	**0**	**1.400**	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH42	100			100	Đối ứng
2	Đê và đập dâng ngăn mặn Nha Phu	100			100	Đối ứng
3	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì	100			100	Đối ứng
4	Kè và đập dâng Mỹ Cang- Phước Sơn	100			100	Đối ứng
5	Đê sông Hà Thanh (đoạn dốc xóm 3 Cảnh An 1 P.Thành)	50			50	Đối ứng
6	Đê sông cầu Bà Di (đoạn từ trạm bơm 19/5 đến đập Thông Chín)	50			50	Đối ứng
7	Đê hạ lưu tràn 3 xã	50			50	Đối ứng
8	Gia cố đê bờ Bắc hạ lưu cầu Diêu Trì	50			50	Đối ứng
9	Đê và đập ngăn mặn An Thuận	100			100	Đối ứng
10	Gia cố kênh tiêu An Hòa -P.Quang	50			50	

S TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KH vốn bố trí ban đầu	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung		KH vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
11	Cầu Huỳnh Đông Phước Hòa(lập dự án)	50			50	
12	Cầu Trắng thôn Diêm Vân xã Phước Thuận	50			50	Đối ứng
13	Kiên cố hóa kênh mương Phước Thuận	50			50	Đối ứng
14	Kiên cố hóa kênh mương Phước Hiệp	50			50	Đối ứng
15	Kiên cố hóa kênh mương TT.Diêu Trì	50			50	Đối ứng
16	Nâng cấp Nhà máy nước sạch Phước Thuận	100			100	
17	Sân vận động huyện Tuy Phước	100			100	
18	Cổng chào Chùa Bà -Phước Quang	50			50	
19	Qui hoạch chi tiết khu Đông Bắc - P.Hòa	50			50	
20	QH chi tiết Khu đường vành đai phía Tây Nam -TT. Tuy Phước	50			50	
21	Điều chỉnh Quy hoạch chung TT . Diêu Trì	50			50	
e	**Chi phát triển quỹ đất KDC và QL đất đai**	**4.590**	**0**	**1.140**	**3.450**	
1	***Đầu tư phát triển quỹ đất khu dân cư***	***3.390***		***1.140***	**2.250**	*Trung Tâm PTQĐ*
2	***Quản lý đất đai***	***1.200***			***1.200***	
II	**CHUYỂN NGUỒN DỰ PHÒNG CHI ĐỂ ĐẦU TƯ NĂM 2015 SANG 2016**	**4.350**	**0**	**0**	**4.350**	
a	**Công trình chuyển tiếp & XD mới**	**2.000**	**0**	**0**	**2.000**	
1	Đê thượng lưu cầu Vạn - Phước Hòa	1.000			1.000	
1	Đê thượng lưu Bảy Phương - Phước Hòa	1.000			1.000	
b	**Hỗ trợ**	**2.350**	**0**	**0**	**2.350**	
1	*Xây dựng trụ sở thôn kết hợp nhà văn hóa*	*1.000*			1.000	*100 triệu đồng/thôn*
2	*Hệ thống điện chiếu sáng Trung tâm xã còn lại*	*400*			400	*50% giá trị XL*
3	*Xây dựng cổng chào thôn văn hóa tiêu biểu*	*200*			200	*20 triệu đồng/cổng*
4	*QH Trung tâm 02 xã còn lại (P.Quang-P.Thành)*	*400*			400	
5	*Khắc phục đê bao Huỳnh G iản- P.Hòa*	*100*			100	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KH vốn bố trí ban đầu	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung		KH vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
6	*XD trạm bơm thôn Thọ Nghĩa-P.Nghĩa*	*250*			250	*50% giá trị XL*
B	**NGUỒN PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUẢN LÝ**	**8.438**	**680**	**680**	**8.438**	
I	**Công trình chuyển tiếp & xây dựng mới**	**6.100**	**0**	**0**	6.100	
1	Trường Mầm non Phước Hòa (4phòng học, NHB)	1.000			1.000	Đối ứng
2	Trường Tiểu học số 2 thị trấn Diêu Trì	900			900	Đối ứng
3	Trường Mầm non Phước Nghĩa (bếp ăn 1 chiều)	300			300	Phòng GD&ĐT
4	Trường Mầm non Phước Thuận (bếp ăn 1 chiều)	300			300	Phòng GD&ĐT
5	Trường Mầm non P. Lộc (02P, bếp ăn 1 chiều)	900			900	
6	Trường Mầm non P.Quang (02P, bếp ăn 1 chiều)	900			900	
7	Trường TH số 1 Phước Hưng (Nhà hiệu bộ)	750			750	
8	Trường Mầm non Phước Thành (01P.Bình An)	300			300	
9	Trường TH số 2 Phước Lộc (Nhà hiệu bộ)	750			750	
II	**Đối ứng, hỗ trợ**	**2.338**	**680**	**680**	**2.338**	
1	*Đối ứng các dự án khác như: phát triển KHCN, Dự án Cạnh tranh nông nghiệp, biến đổi khí hậu, vắc xin tiêm phòng……*	*2.038*		*680*	1.358	*Đối ứng*
2	*Hỗ trợ XD Nhà Công vụ cho giáo viên Trường THPT Số 3*	*300*			300	
3	*XD trạm hạ thế vùng NTTS (dự án CRS)*	*0*	*680*		680	Đông Điền P. Thắng
C	**NGUỒN VỐN KHÁC**	**25.900**	**0**	**0**	**25.900**	
I	**Nguồn thu từ các DN thuê đất CCN P.An**	**2.500**	**0**	**0**	2.500	
1	XD cơ sở hạ tầng Cụm CN Phước An	2.500			2.500	
1.1	Đường đấu nối từ Cty 47 đến Kho nông sản	2.000			2.000	
1.2	Mương Bê tông thoát nước	500			500	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	KH vốn bố trí ban đầu	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung		KH vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
II	**Đấu giá cho thuê ki ốt chợ Diêu Trì và P.Sơn**	**23.400**	**0**	**0**	23.400	
1	Đường vào ga Diêu Trì	1.000			1.000	Đối ứng
2	Xây dựng công viên chợ Diêu Trì cũ	1.200			1.200	
3	CSHT khu dân cư và chợ Gò Bồi	12.000			12.000	
4	Chợ Gò Bồi	5.000			5.000	
5	Nâng cấp tuyến đường phố chợ Mai Xuân Thưởng	2.000			2.000	
6	*Công trình Văn hóa đô thị*	*700*			700	
7	*Mua xe chở rác thải*	*1.500*			1.500	*Ban QLNS*
	TỔNG CỘNG (A + B + C)	**103.528**	**5.820**	**5.820**	**103.528**	